

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2021/ DS- ST
Ngày: 30/3/2021
“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Thảo
2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/TLST - DS ngày 29 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn T, sinh 1975

Địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố C, tỉnh H.

Bị đơn: Ông Trần Kim Đ, sinh năm 1968

Bà Trần Thị L, sinh năm 1968

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố C, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị H: Chị Lê Thị H1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh B.

Anh T, chị H, chị H1 vắng mặt(có đơn xin xử vắng mặt). Ông Đ, bà L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày:

Anh T và chị H làm nghề kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi. Anh T có quan hệ họ hàng với ông Đ và cùng là hàng xóm của nhau. Vào năm 2017, giữa anh T và ông Đ có thỏa thuận miệng về việc mua bán cám chăn nuôi, thống nhất tùy theo số lượng cám cụ thể lấy thanh toán ngay hoặc mua lần sau trả tiền lần trước. Hai bên có ghi chép trong sổ làm cơ sở để tính toán. Anh T, chị H có bán cám cho ông Đ, bà L từ ngày 11 tháng 2 năm 2017 đến ngày 01 tháng 6 năm 2017. Thời gian đầu, ông Đ, bà L thanh toán tiền đầy đủ sau mỗi lần mua cám, về sau không trả nữa. Đến ngày 03 tháng 6 năm 2018, hai bên có chốt sổ tính tổng cả số tiền cám vệt và cá còn nợ lại là 280.675.000đồng. Đến ngày 09 tháng 4 năm 2019, ông Đ bà L trả 50.000.000đồng, còn nợ lại 230.675.000đồng. Kể từ đó đến nay, anh T chị H đòi nhiều lần nhưng ông Đ bà L chưa trả. Nay anh chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C buộc ông Trần Kim Đ và bà Trần Thị L trả anh chị số tiền cám còn nợ là 230.675.000đồng và phương thức thanh toán một lần. Anh chị không yêu cầu ông Đ bà L trả số tiền lãi đối với khoản nợ này.

Tại các biên bản ghi lời khai, ông Đ bà L đều thừa nhận việc mua bán cám với anh T chị H, có xác nhận còn nợ lại số tiền cám vệt và cá là 280.675.000đồng, đã trả tiếp 50.000.000đồng vào ngày 09 tháng 4 năm 2019 và hiện còn nợ số tiền 230.675.000đồng. Tuy vậy, ông bà không đồng ý thanh toán trả tiền ngay và trả một lần. Vì hiện tại, kinh tế ông bà khó khăn, sức khỏe chưa hồi phục nên chưa có để trả ngay. Ông bà sẽ thu xếp để trả anh T chị H dần dần.

Tại phiên tòa:

Anh T, chị H có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Đ, bà L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trần Kim Đ và bà Trần Thị L phải thanh toán trả anh Nguyễn Văn T chị Nguyễn Thị H số tiền 230.675.000đồng.

- Về án phí: Ông Trần Kim Đ và bà Trần Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh T, chị H yêu cầu ông Đ, bà L phải trả cho anh chị số tiền cám còn nợ gốc là 230.675.000đồng. Đây là số tiền còn lại chưa thanh toán trả hết của ông T bà L khi thực hiện hợp đồng mua bán cám với anh T chị H nên xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Hiện ông Đ, bà L đang sinh sống, cư trú làm ăn tại thôn K, xã H, thành phố C, tỉnh H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C. Ông Trần Kim Đ và bà Trần Thị L là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do, anh T, chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ bà L và anh T chị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về khoản nợ gốc: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H: Theo lời trình bày của anh T chị H và sổ chốt nợ xác định giữa anh T và ông Đ có thiết lập với nhau hợp đồng mua bán cám bằng lời nói, được ghi chép vào sổ chốt trả nợ. Từ ngày 11 tháng 2 năm 2017 đến ngày 01 tháng 6 năm 2017, ông Đ bà L lấy cám của anh T chị H và có thanh toán tiền đầy đủ sau mỗi lần mua cám, về sau ông bà không trả nữa. Sau đó, hai bên có chốt sổ tính tổng cả tiền cám vệt và cá còn lại đến ngày 03 tháng 6 năm 2018 là 280.675.000đồng. Đến ngày 09 tháng 4 năm 2019, ông Đ bà L trả tiếp số tiền là 50.000.000đồng, còn nợ lại số tiền là 230.675.000đồng. Điều này đã được ông Đ bà L thừa nhận tại các lời khai và quá trình làm việc tại Tòa án. Do đó, việc giao dịch mua bán cám giữa anh T và ông Đ là có thật. Ông Đ sử dụng tiền trả tiền cám là tiền chung của vợ chồng và kinh doanh chăn nuôi vào mục đích chung của gia đình nên xác

định đây là khoản nợ chung của ông Đ bà L. Vì thế, ông Đ bà L cùng phải có trách nhiệm trả nợ tiền cầm. Lần cuối cùng, ông Đ bà L trả tiền vào tháng 4 năm 2019, nhưng từ đó đến nay anh T chị H đã đòi nhiều lần, ông Đ bà L chưa trả hết khoản tiền cầm nợ trên nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T chị H là có căn cứ pháp luật, được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi: Đây là hợp đồng mua bán tài sản thỏa thuận bằng miệng, không có thỏa thuận nghĩa vụ chậm trả nợ, anh T chị H tự nguyện không yêu cầu ông Đ bà L thanh toán tiền lãi đối với khoản nợ trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3]. Về thời hạn trả nợ: Anh T chị H yêu cầu ông Đ bà L phải trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu của anh chị.

[2.4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh T chị H được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, ông Đặng bà Liên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 430; Điều 440; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trần Kim Đ và bà Trần Thị L phải trả số tiền gốc là 230.675.000đồng cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh T chị H yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Ông Trần Kim Đ và bà Trần Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.533.750đồng. Hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền 6.766.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006684 ngày 29/10/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H(do chị Lê Thị H1 nộp thay).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- Thi hành án thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương